

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN THI
TỈNH HỒNG YÊN

Bản án số 52/2017/HSST
Ngày 29 tháng 12 năm 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Śéc lĒp - Tù do - H'nh phóc

NHÂN DANH

N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH H- NG YÊN

Vii thµnh phÇn Héi   ng xĐt x  s- th m g m c :

B  c, o t i ngo'i c  m t t i phi n t a.

Ng- i b  h'i: B : **Nguy n Th  GSN 1963** (v ng m t) *Th m ph n - Chủ to  phi n to : Bà L-  ng
Thị Thủy*

C c h i th m nh n d n: Ông **Nguyễn Thanh Bình** - Bà **Nguyễn Thị Hoàn**

Th- k  To   n ghi bi n b n phi n to : Ông **D-  ng Mạnh Hùng** - CBTA.

Đ i di n Vi n ki m s t nh n d n huy n  n Thi tham gia phi n to :

B : **Nguyễn Thị Hữu** - Ki m s t vi n

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở TAND huyện  n Thi, tỉnh H- ng Yên mở phiên
to  xét xử công khai sơ thẩm vụ  n hình sự thụ lý số 51/2017/HSST ngày 30/11/2017 đối với

Bị c o: **Trần Văn Th SN 1987**

Sinh trú qu n: B, T, , H

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.

Ngh  nghiệp: Tr ng t t Trình độ học v n: 9/12

Con  ng: Trần Văn C SN 1962

Con b : Trần Thị X SN 1963

Gia đ nh c  ba ch  em, bị c o l  con thứ hai.

V , con: Ch- a

Tiền sự: Tại Quyết định số 82 ngày 24/6/2016, bị Công an huyện  i, tỉnh H xử phạt
vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, bị c o ch- a chấp
hành.

Nhân thân: Tại Bản án số 20/2017/HSST ngày 25/9/2007, TAND huyện A, tỉnh H xử phạt 01 năm tù nh- ng cho h- ởng án treo thử thách 02 năm về tội Trộm cắp tài sản, đã đ- ọc xóa án tích.

Trú tại: T T, Đ, A, H

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị VKSND huyện A, tỉnh H truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Khoảng 09h00 ngày 26/9/2017, Trần Văn ThSN 1987 ở thôn B, xã T, huyện A tỉnh H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ trắng biển số 29T2- 2725 đi từ thị trấn A, huyện A đến nhà bà Nguyễn Thị G sinh năm 1963 ở thôn T, xã Đ, huyện A, tỉnh H. Thăm thấy cổng nhà bà G, khóa không có ai ở nhà nên đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T dựng xe máy ở cổng rồi trèo qua tường vào đi về phía sau nhà thì thấy có 01 con chó đực, lông màu vàng, nặng khoảng 10kg xích ở góc nhãn khu vườn trồng phía sau nhà. Th tháo xích ở cổ con chó và ôm con chó đi ra theo lối cũ ra để con chó vào khung xe mô tô của Trời điều khiển xe đi đến chợ thị trấn An Thi, huyện An Thi bán con chó cho 01 người phụ nữ không biết tên tuổi, địa chỉ với giá 550.000đ. T đã tiêu sài cá nhân hết số tiền này. Kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐ ĐG ngày 05/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện A kết luận: 01 con chó ta có trọng lượng 10kg, có giá trị là: 700.000đ.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã quản lý 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha biển số 29T2- 2725 của Trần Văn T. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bà Nguyễn Thị G không yêu cầu Trần Văn T phải bồi thường về trị giá con chó mà T đã trộm cắp của gia đình bà.

Trong quá trình điều tra, Trần Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi ph' m téi c' ãa m' xnh, lời khai của bị can phù hợp với diễn biến và hành vi phạm tội như đã nêu trên

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã khai nhận về hành vi phạm tội mà mình gây ra và đề nghị HĐXX cho bị cáo đ- ọc h- ởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm. Tại bản cáo trạng số 43/QĐ-VKS-HS ngày 30/11/2017 của VKSND huyện A truy tố bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 138 BLHS.

Đại diện VKSND huyện A giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố nh- bản cáo trạng đã nêu và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản

áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; ; Điều 33 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Từ 09 tháng đến 01 năm thời gian tính từ ngày thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41, điểm a khoản 2 Điều 76 của BLTTHS.

Tịch thu 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 29T2-2725 bán đấu giá sung quỹ Nhà nước.

Về TNDS: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, ...

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội bị Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố : Lợi dụng vào sự sơ hở và mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý và bảo vệ tài sản của mình nên khoảng 9h00 ngày 26/9/2017, Trần Văn Từ đã có hành vi trộm cắp 01 con chó ta màu vàng có trọng lượng khoảng 10kg của gia đình bà Nguyễn Thị G ở Thôn T, xã Đ. Theo kết quả định giá tài sản thì tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 700.000đ.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp khách quan với Biên bản hỏi cung bị can, lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do cơ quan CSĐT công an huyện A thu thập được. Xét hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nên có đủ nhận thức để biết rằng tài sản đó thuộc sở hữu của người khác nhưng vì động cơ mục đích muốn có tiền tiêu xài một cách dễ dàng, nên bị cáo đã cố ý chiếm đoạt nhằm thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Mặc dù giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000đ nhưng bị cáo đã có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản chấp hành. Vì vậy, hành vi phạm tội lần này của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS.

Mặt khác, hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây lên sự bất bình trong quần chúng nhân dân vì hiện nay tệ nạn trộm cắp tài sản đang gia tăng. Do đó việc đưa bị cáo ra xét xử nghiêm minh, kịp thời thực thi pháp luật là cần thiết, nhằm trừng trị, giáo dục người phạm tội và răn đe những người khác.

Nh- vậy, việc VKSND huyện Ất truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là đúng ng- ời, đúng tội và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, tr- ớc khi quyết định hình phạt, ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, HĐXX còn xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Quá trình điều tra cũng nh- tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; bị cáo phạm tội nh- ng gây thiệt hại không lớn; có hoàn cảnh gia đình khó khăn đ- ợc chính quyền địa ph- ơng xác nhận nên bị cáo đ- ợc h- ớng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đ- ợc quy định tại điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền án về Tội trộm cắp tài sản năm 2007 tuy đã đ- ợc xóa án tích nh- ng năm 2016 bị cáo lại có 01 tiền sự cũng về hành vi trộm cắp tài sản ch- a đ- ợc xóa, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu d- ỡng, rèn luyện bản thân, có chí h- ớng phấn đấu mà tiếp tục dấn sâu vào con đ- ờng phạm tội. Điều đó chứng tỏ bị cáo rất coi th- ờng pháp luật, không có ý thức cải tạo, sửa chữa lỗi lầm của mình. Do vậy ở lần phạm tội này cần thiết phải bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, thu nhập ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về TNDS: Ng- ời bị hại không có ý kiến, đề nghị gì nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về vật chứng: Chiếc xe Yamaha BKS 29T2-2725 bị cáo sử dụng vào việc trộm cắp , đây là công cụ ph- ơng tiện phạm tội nên tịch thu bán đấu giá sung quỹ Nhà n- ớc.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của BLHS.

Điểm a khoản 1 Điều 41 của BLHS; điểm a khoản 2 Điều 76; Điều 99 của BLTTHS.

□p dụng Điều 99 BLTTHS ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 09 tháng tù, thời gian tính từ ngày thi hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về biện pháp t- pháp: Tịch thu 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha BKS 29T2-2725 (có đặc điểm nh- biên bản thu giữ vật chứng) bán đấu giá sung quỹ Nhà n- ốc.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ng- ời bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày đ- ợc giao nhận bản án.

Nơi nhận:

- VKS cùng cấp;
- Bị cáo;
- Ng- ời bị hại;
- L- u HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

L- ơng Thị Thủy

